

PHỤ LỤC 02

ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày / /2026 của UBND xã Ngok Tụ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2025 về trước kéo dài thực hiện sang năm 2026)			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2025 về trước kéo dài thực hiện sang năm 2026) sau điều chỉnh			Lý do điều chỉnh
		Tổng số	NSTW	NSDP			Tổng số	NSTW	NSDP	
	TỔNG CỘNG	11.041,142204	10.746,765204	294,377000	8.258,327360	8.258,327360	11.041,142204	10.746,765204	294,377000	
1	<i>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</i>	162,000000	162,000000	-			162,000000	162,000000		
2	<i>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</i>	8.116,327360	8.116,327360	-	6.700,327360	1.500,000000	2.916,000000	2.916,000000	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	6.700,327360	6.700,327360	-	6.700,327360		-	-		Còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được do cho hướng dẫn về hỗ trợ gạo
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.416,000000	1.416,000000	-		1.500,000000	2.916,000000	2.916,000000	-	Bổ sung kinh phí để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cho nhân dân trên địa bàn xã
3	<i>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</i>	528,659000	234,282000	294,377000		5.832,327360	6.360,986360	6.066,609360	294,377000	
	Tiểu dự án 1 – Dự án 4 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	528,659000	234,282000	294,377000	-	5.832,327360	6.360,986360	6.066,609360	294,377000	Bổ sung kinh phí để duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng nhằm duy trì hoạt động bình thường của các công trình phục vụ nhu cầu cho nhân dân trên địa bàn xã
4	<i>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</i>	1.831,083000	1.831,083000	-	1.558,000000	176,000000	449,083000	449,083000	-	
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	76,000000	76,000000	-	76,000000		-	-	-	Không còn nhiệm vụ chi (hết đối tượng mù chữ)

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2025 về trước kéo dài thực hiện sang năm 2026)			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2025 về trước kéo dài thực hiện sang năm 2026) sau điều chỉnh			Lý do điều chỉnh
		Tổng số	NSTW	NSDP			Tổng số	NSTW	NSDP	
4.2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	1.732,000000	1.732,000000	-	1.482,000000		250,000000	250,000000		Chi thực hiện đào tạo nghề với kinh phí 250 triệu đồng. Kinh phí còn lại không còn nhiệm vụ chi nên đề xuất điều chỉnh sang các dự án thành phần khác
4.3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	23,083000	23,083000	-		176,000000	199,083000	199,083000	-	Bổ sung kinh phí để thực hiện đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,800000	0,800000	-		400,000000	400,800000	400,800000		Bổ sung kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Tiểu dự án
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	227,442860	227,442860	-			227,442860	227,442860	-	
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	11,828000	11,828000	-	-	150,000000	161,828000	161,828000	-	
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	11,828000	11,828000	-		150,000000	161,828000	161,828000		Bổ sung kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Tiểu dự án
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	163,001984	163,001984	-	-	200,000000	363,001984	363,001984	-	
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	42,854002	42,854002	-		200,000000	242,854002	242,854002		Bổ sung kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Tiểu dự án
8.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	120,147982	120,147982	-			120,147982	120,147982	-	

-

400

100

150

200

1482

PHỤ LỤC 03
ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN
VÙNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày / /2026 của UBND xã Ngọc Tú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2025 về trước kéo dài và thực hiện sang năm 2026)			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2025 về trước kéo dài và thực hiện sang năm 2026) sau điều chỉnh			Lý do điều chỉnh
		Tổng số	NSTW	NSDP			Tổng số	NSTW	NSDP	
	TỔNG CỘNG	1.183,426725	1.183,426725	-	491,000000	491,000000	1.211,426725	1.211,426725	-	
1	<i>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</i>	<i>402,340000</i>	<i>402,340000</i>				<i>402,340000</i>	<i>402,340000</i>	-	
2	<i>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</i>	<i>171,712480</i>	<i>171,712480</i>	-	-	<i>221,000000</i>	<i>392,712480</i>	<i>392,712480</i>	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	167,565360	167,565360	-			167,565360	167,565360		
2.2	Tiểu Dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	4,147120	4,147120	-		221,000000	225,147120	225,147120		
3	<i>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</i>	<i>553,400600</i>	<i>553,400600</i>	-	<i>463,000000</i>	-	<i>90,400600</i>	<i>90,400600</i>	-	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục vùng nghèo, vùng khó khăn	221,000000	221,000000	-	221,000000					Không còn nhiệm vụ chi do các đối tượng
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	332,400600	332,400600	-	242,000000		90,400600	90,400600		
4	<i>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</i>	<i>28,444181</i>	<i>28,444181</i>	-	<i>28,000000</i>	<i>128,000000</i>	<i>156,444181</i>	<i>156,444181</i>	-	
4.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	28,000000	28,000000	-	28,000000		28,000000	28,000000		
4.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	0,444181	0,444181	-		128,000000	128,444181	128,444181		
5	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình</i>	<i>27,529464</i>	<i>27,529464</i>	-	-	<i>142,000000</i>	<i>169,529464</i>	<i>169,529464</i>	-	
5.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực chương trình	0,301340	0,301340	-		120,000000	120,301340	120,301340		
5.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	27,228124	27,228124	-		22,000000	49,228124	49,228124		